

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 178/2020/DS-PT

Ngày: 09-11-2020

V/v “*Tranh chấp kiện đòi tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga

Các Thẩm phán: Ông Bùi Thanh Thảo

Bà Lê Hồng Hạnh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Bùi Thị Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:*
Ông Cao Thanh Nam- Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 193/2020/TLPT-DS ngày 16 tháng 10 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp kiện đòi tài sản*” do bản án dân sự sơ thẩm số 31/2020/DS-ST ngày 19/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 204/2020/QĐXX-PT ngày 28/10/2020, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ông Trương Đức H, sinh năm 1965 (có mặt)

Địa chỉ nơi cư trú: 28/4/1, khu phố 2, phường L, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

* *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ thường trú: 36/3B, đường L, phường 11, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ nơi cư trú: Tổ 10, ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Bình Phước.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Công ty TNHH MTV Q; địa chỉ: Lầu 15, Tòa nhà Centec, 72-74 N, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

**Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Trương Đức H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Trương Đức H trình bày:*

Vào thời gian tháng 2 năm 2019 ông H có mua chiếc xe mô tô Vision BKS 59X3-401.81 với giá 37.400.000, mua với hình thức trả góp hàng tháng, hình thức vay tiền của Công ty tài chính TNHH MTV Q, có trụ sở tại Lầu 15, Tòa nhà Centec, 72-74 N, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh, sau khi mua xe xong thì hàng tháng sẽ trả góp cho Công ty tài chính này. Khi mua đã trả trước 7.000.000 đồng, số tiền này do bà H trả nhưng nguồn tiền là do ông H đưa cho bà H số tiền này. Ngay khi mua xong thì bà H thích chiếc xe này nhưng bà H không thể mua trả góp được vì trước đây bà H bị Ngân hàng xác định nợ xấu còn mua trả tiền một lần thì bà H không có tiền trả nên yêu cầu ông H chuyển bán lại chiếc xe này cho bà H và bà H sẽ có trách nhiệm trả góp hàng tháng cho Ngân hàng, vì vậy xe cũng như toàn hợp đồng mua xe, sổ bảo hành xe ông H đưa cho bà H cất giữ để hàng tháng bà H trả góp cho Ngân hàng, về giấy chứng nhận bản chính thì Ngân hàng giữ. Thời gian trả góp trong vòng thời hạn 15 tháng. Ngay từ khi mua, tháng đầu tiên cho đến tháng 11 năm 2019 thì bà H là người trực tiếp trả góp cho Ngân hàng nhưng nguồn tiền để góp thì bà H chỉ có để trả góp khoảng 2 tháng còn những tháng còn lại là ông H đưa tiền cho bà H trả tiền xe, tổng cộng số tiền ông H đưa bà H để bà H trả tiền xe là 24.500.000 đồng, bao gồm lần đầu tiên là ông H đưa bà H số tiền 7.000.000 đồng (là tiền trả tiền xe trước ngay khi làm hợp đồng và nhận xe), còn sau đó là ông H đưa nhiều lần, mỗi lần từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng.

Qua tháng 12 năm 2019 và các tháng 01, 02, 3, 4, 5, 6, 7 năm 2020 thì do bà H không đóng tiền góp nữa nên Ngân hàng nhắn tin yêu cầu ông H phải thanh toán tiền cho Ngân hàng vì ông H là người đứng hợp đồng vay với Công ty tài chính TNHH MTV Q và Ngân hàng liên hệ rất nhiều lần nên ông H đã phải trực tiếp đóng tiền cho Ngân hàng và hợp đồng vay tiền với Ngân hàng ông H đã trả xong. Đến nay Ngân hàng đã trả lại cho ông H Giấy đăng ký xe bản gốc.

Vì vậy, nay ông H khởi kiện yêu cầu bà H phải trả lại cho ông H chiếc xe mô tô Vision BKS 59X3-401.81, tên chủ xe Trương Đức H vì bà H không thực hiện đúng thỏa thuận giữa ông H và bà H đó là bà H không trả tiền góp xe cho Ngân hàng nữa. Nếu bà H không trả xe thì phải trả cho ông H số tiền 24.500.000 đồng tiền ông H đưa cho bà H để trả tiền góp xe và số tiền 6 tháng sau ông H đã đóng là ngày 26/2/2020 số tiền 2.700.000 đồng, ngày 12/1/2020 số tiền 2.710.000 đồng, ngày 7/2/2020 số tiền 2.706.000 đồng, ngày 17/4/2020 số tiền 2.678.000 đồng, ngày 28/4/2020 số tiền 2.665.000 đồng, ngày 26/5/2020 số tiền 3.144.000 đồng, tổng cộng là 16.603.000 đồng và số tiền 24.500.000 đồng là 41.103.000 đồng.

**** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn có yêu cầu phản tố bà Nguyễn Thị Ngọc H trình bày:***

Vào thời gian tháng 2 năm 2019 bà H có nhờ ông H mua giùm chiếc xe mô tô Vision BKS 59X3-401.81 với giá 37.400.000 đồng, mua với hình thức trả góp hàng tháng, hình thức vay tiền của Công ty tài chính TNHH MTV Q, có trụ sở tại Lầu 15, Tòa nhà Centec, 72-74 N, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí

Minh, sau khi mua xe xong thì hàng tháng sẽ trả góp cho Công ty tài chính này. Khi mua đã trả trước số tiền 10.000.000 đồng (gồm tiền trả trước 8.000.000 đồng và tiền bằng số xe 2.000.000 đồng), số tiền vay của công ty tài chính là 29.400.000 đồng. Ông H cho bà H mượn số tiền 7.000.000 đồng để trả. Hàng tháng kể từ lúc mua thì bà H là người trực tiếp trả góp cho Ngân hàng được 10 kỳ, nguồn tiền là của bà H chứ không phải của ông H. Từ tháng 12 năm 2019 và các tháng 1, 2, 3, 4, 5 của năm 2020 thì ông H đã tự đóng góp cho Công ty tài chính vì ông H không chịu sang tên xe cho bà H nên bà không đóng nữa, khi nào ông H sang tên cho bà thì bà mới đóng tiền tiếp. Việc ông H cho rằng đã đưa cho bà H số tiền 24.500.000 đồng là không chính xác mà ông H chỉ có đưa số tiền 7.000.000 đồng, thật sự tiền này là tiền ông H cho bà để mua xe vì giữa bà H và ông H có mối quan hệ nam nữ, nay mâu thuẫn ông H đòi bà, thì bà chỉ đồng ý trả lại số tiền 7.000.000 đồng, ngoài ra bà H không nhận khoản tiền nào khác của ông H.

Nay ông H khởi kiện bà H yêu cầu bà trả lại chiếc xe mô tô Vision BKS 59X3-401.81, tên chủ xe Trương Đức H thì bà H không đồng ý vì đây là xe của bà, bà nhờ ông H mua giùm và đứng tên giùm. Bà có yêu cầu phản tố yêu cầu Tòa án công nhận chiếc xe này là của bà, đối với số tiền ông H đã đóng cho Công ty tài chính (6 kỳ) thì bà đồng ý trả lại cho ông H số tiền đóng 6 tháng là 16.603.000 đồng và số tiền 7.000.000 đồng là 23.603.000 đồng.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty TNHH MTV Q trình bày:*

Chiếc xe mô tô Vision BKS 59X3-401.81 là tài sản hình thành từ khoản vay của ông Trương Đức H theo hợp đồng vay ngày 20/02/2019, ngày thanh toán đầu tiên 22/3/2019, ngày thanh toán cuối cùng 22/5/2020, cụ thể số tiền vay 29.400.000 đồng, thời hạn vay 15 tháng, số tiền thanh toán hàng tháng: 2.677.139 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng từ ngày 20/3/2019 đến 26/02/2020 ông H đã thanh toán được 32.279.739 đồng, tổng số tiền còn lại ông H phải thanh toán là 8.367.000 đồng. Công ty TNHH MTV Q không có yêu cầu đối với tranh chấp dân sự giữa ông Trương Đức H và bà Nguyễn Thị Ngọc H, yêu cầu ông H tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận hợp đồng mà ông H đã ký kết, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2020/DS-ST ngày 19/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Đức H.

Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc H có trách nhiệm thanh toán cho ông Trương Đức H số tiền 23.603.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H.

Công nhận chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Vision, biển kiểm soát 59X3-401.81 (số khung JF 86E2077956, số máy: 5833KY0135537) theo Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 086302 do Công an quận Thủ Đức, thành

phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/02/2019 đứng tên chủ xe ông Trương Đức Hbthuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị Ngọc H.

Bà Nguyễn Thị Ngọc H được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký quyền sở hữu đối chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Vision, biển kiểm soát 59X3-401.81 (số khung JF 86E2077956, số máy: 5833KY0135537).

Ngoài ra, bản án còn tuyên phần án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 02/9/2020 nguyên đơn ông Trương Đức H có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước:

- Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Tòa án từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2020/DS-ST ngày 19/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Trương Đức H làm trong thời hạn luật định, có hình thức, nội dung và phạm vi kháng cáo phù hợp với quy định tại các Điều 271, 272 và 273 của BLTTDS năm 2015 nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa những người được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, tuy nhiên đã có lời trình bày trong hồ sơ vụ án và xét việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn ông H yêu cầu bị đơn bà H có nghĩa vụ trả cho ông H số tiền 41.103.000đồng, trong đó gồm số tiền 24.500.000đồng đưa cho

bà H trả góp hàng tháng và số tiền ông đã trả góp cho Công ty trong thời gian 6 tháng là 16.603.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3.1] Đối với số tiền 16.603.000đồng quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều thống nhất ông H là người trực tiếp thực hiện việc trả góp cho Công ty trong 6 tháng, hoàn toàn phù hợp với chứng cứ ông H cung cấp gồm 06 biên nhận thu hộ (bản in của Thế giới di động) (Bút lục 66l, 66m, 66n, 66h, 66q) của các ngày với số tiền cụ thể: Ngày 26/2/2020 số tiền 2.700.000đồng, ngày 12/1/2020 số tiền 2.710.000đồng, ngày 7/2/2020 số tiền 2.706.000đồng, ngày 17/4/2020 số tiền 2.678.000đồng, ngày 28/4/2020 số tiền 2.665.000đồng, ngày 26/5/2020 số tiền 3.144.000đồng, tổng cộng là 16.603.000đồng. Như vậy, việc ông H trả tiền góp xe trong thời gian 06 tháng cuối của hợp đồng với số tiền 16.603.000đồng là sự thật.

[3.2]. Đối với số tiền 24.500.000đồng các đương sự không thống nhất được với nhau, theo lời trình bày của nguyên đơn, vào ngày mua xe ông H đưa cho bà H số tiền 7.000.000 đồng, sau đó hàng tháng bà H thiếu tiền trả góp nên ông H đưa cho bà H vay nhiều lần. Tổng cộng các lần vay là 24.500.000đồng, do tin tưởng nhau nên ông không làm giấy tờ gì khi ông đưa tiền cho bà H và cũng không có người chứng kiến, điều này chỉ thể hiện thông qua nội dung tin nhắn ông H có nhắn cho bà H: *“Nhớ kỹ lại đi mượn a ba 7 tr đồng để lấy xe mượn thẳng Trung quốc 3 tr bữa đó ở ngoài công viên huyện rồi thẳng ông 3tr thẳng Tâm lần 1-3tr lần 2 – 3,5tr lần 3 – 3 tr rồi kêu tôi mượn vợ tôi 3 tr nhưng mà mượn được 2tr thôi có phải TC 24,5 tr không”* (bút lục 15). Phía bị đơn bà H không thống nhất với nội dung trình bày của ông H, bà H chỉ thừa nhận có nhận số tiền 7.000.000đồng của ông H đưa vào ngày mua xe, còn số tiền trả góp hàng tháng là tiền của bà H. Mặc dù, bà H có phản hồi tin nhắn của ông H có nội dung: *“Nhưng a cũng nhớ kỹ đi, a nói tiền đó k lãi, bgiờ giờ a nói có lãi là sao”* (bút lục 15), nhưng lại không thể hiện được việc bà H đồng ý có nhận vay của ông H tổng số tiền 24.500.000đồng như ông H trình bày. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông H cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh cho lời trình bày của mình về việc đã cho bà H vay tổng số tiền 24.500.000đồng để trả tiền góp xe hàng tháng. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn ông H thừa nhận ông H là người đứng ra mua giùm xe cho bà H.

Từ những nhận định nêu tại mục [3.1] và mục [3.2] có cơ sở để chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa cấp sơ thẩm tuyên xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện buộc bà H phải thanh toán cho ông H số tiền 23.603.000đồng là có căn cứ, đúng theo quy định của pháp luật. Do đó yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là không có căn cứ nên không được HĐXX chấp nhận, cần giữ nguyên quyết định của bản án dân sự sơ thẩm.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của nguyên đơn không được Hội đồng xét xử chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Các phần khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Căn cứ vào các Điều 116, 117, 166 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Trương Đức H.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2020/DS-ST ngày 19/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Đức H.

Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc H có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trương Đức H số tiền 23.603.000đồng (Hai mươi ba triệu sáu trăm lẻ ba ngàn đồng).

Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H.

Công nhận chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Vision, biển kiểm soát 59X3-401.81 (số khung JF 86E2077956, số máy: 5833KY0135537) theo Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 086302 do Công an quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/02/2019 tên chủ xe ông Trương Đức H thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị Ngọc H.

Bà Nguyễn Thị Ngọc H được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký quyền sở hữu đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Vision, biển kiểm soát 59X3-401.81 (số khung JF 86E2077956, số máy: 5833KY0135537).

Kể từ ngày án có hiệu lực, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến thi hành xong tất cả các khoản tiền. Hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Trương Đức H phải chịu án phí là 1.175.000đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp 741.900 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004080 ngày 25/02/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước. Số tiền án phí ông H còn phải nộp là 434.000 đồng (Bốn trăm ba mươi bốn ngàn đồng).

Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu án phí là 1.180.150 đồng (Một triệu một trăm tám mươi ngàn một trăm năm mươi đồng). Được khấu trừ vào số

tiền tạm ứng án phí 300.000đồng bà H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004124 ngày 18/3/2020. Bà H còn phải nộp tiếp 880.150 đồng (Tám trăm tám mươi ngàn một trăm năm mươi đồng).

Án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn ông Trương Đức H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004490 ngày 09/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bình Phước.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS huyện C;
- TAND huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nga